TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/DS-PT
Ngày: 20 – 6 – 2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tặng cho có điều kiện".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Khưu Để Dành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/DS-PT, ngày 27 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp Hợp đồng tặng cho có điều kiện".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2019/QĐXX- DSPT ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tổ 02, khóm MH, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp CG, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ1 (Đẫm), sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 03, khóm MH, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh AG (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn D (sau đây gọi tắt là ông D) trình bày:

Ngày 26/3/2018, bà Nguyễn Thị Đ1 (sau đây gọi tắt là bà Đ1) có tên thường gọi là Đẫm mai mối cho ông quen biết bà Lý Thị Đ (sau đây gọi tắt là bà Đ). Bà Đ1 yêu cầu ông mua sắm quần, áo và nữ trang cho bà Đ để tuyên bố ông và bà Đ chung sống với nhau; đồng thời, bà Đ1 đảm bảo bà Đ chấp nhận chung sống với ông.

Ông chở bà Đ đến tiệm vàng mua nữ trang gồm: 5 phân vàng 18k, 5 phân vàng 24k và đôi bông 6 phân 9 ly vàng 18k; mua 03 bộ quần áo giao cho bà Đ nhận và ông cho bà Đ số tiền 500.000đ.

Sau đó, ông, bà Đ, bà Đ1 và vợ chồng ông Út cùng đến nhà hàng ở bến phà Châu Đốc dự tiệc gọi là lễ tuyên bố, chi phí cho buổi tiệc là 800.000đ. Buổi tiệc kết thúc, ông chở bà Đ về nhà ông nhưng đến cầu kênh Đào (Châu Đốc), bà Đ diện cớ đến nhà bà Đ1 lấy xe đạp và bà Đ trốn luôn.

Tổng số nữ trang và quần áo ông cho bà Đ trị giá là 6.000.000đ.

Nay ông yêu cầu bà Đ trả lại cho ông 6.000.000đ và yêu cầu bà Đ1 trả lại cho ông chi phí buổi tiệc làm lễ tuyên bố 800.000đ.

Bị đơn bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Đ1 không gửi văn bản trình bày ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn D.

- Bác yêu cầu của ông D đòi bà Đ trả 6.000.000đ

- Bác yêu cầu của ông D đòi bà Đ1 (Đẫm) trả 800.000đ .

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/01/2019, ông D kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- *Ông D trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Bà Đ, bà Đ1*: Vắng mặt.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Ông D thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đ và bà Đ1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hình thức đơn kháng cáo: Ông D kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng quy định khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tòa án đã thực hiện hợp lệ thủ tục triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Đ và bà Đ1 vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và bà Đ1.

[3]. Nội dung kháng cáo:

Ông D khởi kiện nhưng không cung cấp tài liêu, chứng cứ chứng minh bà Đ có nhận của ông D toàn bộ tài sản trị giá là 6.000.000đ như ông D trình bày. Bà Đ vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không thu thập được lời khai của bà Đ.

Ông D tự nguyện mời bà Đ1 dự tiệc ăn uống, ông D và bà Đ1 không có thỏa thuận về việc bà Đ1 phải có nghĩa vụ trả lại chi phí tiệc ăn uống cho ông D; pháp luật không quy định, tập quán địa phương không có trường hợp người được mời dự tiệc ăn uống phải có nghĩa vụ trả tiền cho người chủ động mời dự tiệc; hơn nữa, ông D cũng có tham gia tiệc ăn uống trong tổng chi phí 800.000đ. Do đó, ông D yêu cầu bà Đ1 trả lại 800.000đ là không có căn cứ.

Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về yêu cầu bà Đ trả 6.000.000đ, yêu cầu bà Đ1 trả 800.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 91 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về yêu cầu bà Lý Thị Đ trả 6.000.000đ

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 (Đẫm) trả 8.000.000đ.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004656 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Ông Nguyễn Văn D còn phải nộp thêm 300.000đ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001634 ngày 11/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng KTNV;
- TAND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ